

Số: /BC-BKT&XH

Krông Nô, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả giám sát công tác triển khai, thực hiện quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn huyện Krông Nô

Thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND huyện về chương trình giám sát của HĐND huyện năm 2023, Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện đã ban hành Kế hoạch giám sát số 19/KH-BKT-XH ngày 06/4/2023 về việc triển khai tổ chức thực hiện quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 trên địa bàn huyện.

Sau khi nghiên cứu Báo cáo của UBND huyện, Hạt Kiểm lâm, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 12 xã, thị trấn; đồng thời tiến hành giám sát, kiểm chứng tại 05 xã gồm Nam Nung, Tân Thành, Đắk Nang, Quảng Phú, Nam N'Đir và Hạt Kiểm lâm, sau đó Đoàn tiến hành giám sát tại UBND huyện cùng một số phòng ban có liên quan, Đoàn giám sát Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện đã họp thảo luận và thống nhất báo cáo kết quả như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Huyện Krông Nô có diện tích tự nhiên 81.349,31 ha, có 11 xã và một thị trấn; trên địa bàn huyện có 83.982 người, gồm 24 dân tộc cùng sinh sống, toàn huyện có 08 Ban Lâm nghiệp và có 03 xã và 01 thị trấn không đủ tiêu chí thành lập gồm (Tân thành, Nam Xuân, Đắk Drô và thị trấn Đắk Mâm).

Trên địa bàn huyện có 12 đơn vị chủ rừng gồm: Công ty TNHH MTV Nam Nung, Ban Quản lý rừng Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, Công ty TNHH Bảo Lâm, Công ty cổ phần Đông Bắc, Công ty TNHH TMDV SXKD Phú Gia Phát, Công ty CPĐTXD Liên Thành Đắk Nông, Công ty TNHH Nông nghiệp MJ Việt Nam, Công ty TNHH KHCNMT Quốc Việt; 02 cộng đồng là Ban quản lý rừng cộng đồng Bon Choih xã Đức Xuyên, cộng đồng thôn Phú Lợi xã Quảng Phú và 02 đơn vị vũ trang là Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công ty Cà phê 15 - Trung đoàn 53.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện là 31.478ha (chưa tính 1.000 ha giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh), trong đó Rừng sản xuất: 11.931,72 ha; Rừng phòng hộ là: 8.939,15 ha; Rừng đặc dụng là: 10.607,13 ha.

II. MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG GIÁM SÁT

Giám sát công tác triển khai, thực hiện quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 với mục đích tìm ra những khó khăn, vướng mắc, những tồn tại trong công tác phối hợp, công tác chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương; qua đó, kiến nghị, đề xuất và đề nghị UBND huyện cùng các ngành chức năng có giải pháp cụ thể, chấn chỉnh kịp thời các tồn tại để

thực hiện tốt các chủ trương chính sách của đảng, nhà nước trong giai đoạn tiếp theo đối với công tác này.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

Đoàn giám sát đã tiến hành kiểm chứng tại 05 xã, một số phòng, ban chức năng và UBND huyện, nghiên cứu qua báo cáo đối với các xã còn lại và một số cơ quan, đơn vị có liên quan, đồng thời, đi giám sát tại thực địa tại một số điểm mà qua báo cáo đoàn xét thấy còn có những bất cập. Trên cơ sở đó, đoàn Giám sát báo cáo một số kết quả như sau:

1. Công tác triển khai các văn bản về thực hiện quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Xác định công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ có tính lâu dài, của toàn dân từng bước định hướng cho công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn tiếp theo từ đó, UBND huyện đã có sự chỉ đạo các ngành chức năng, các xã, thị trấn thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước trước hết thông qua các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cũng như triển khai nhiệm vụ cụ thể như sau: Năm 2020 đã ban hành 45 văn bản, năm 2021 ban hành 58 văn bản, năm 2022 ban hành 48 văn bản (*UBND huyện đã có phụ lục kèm theo*).

Đồng thời, trong giai đoạn này UBND huyện đã tham mưu cho Huyện ủy ban hành Chương trình 08-CTr/HU ngày 05/11/2021 để triển khai Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỉ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; theo đó, UBND huyện đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 23/11/2021 để triển khai Chương trình của Huyện ủy.

2. Kết quả triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022;

2.1. Công tác tuyên truyền:

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với các đơn vị chủ rừng trên địa bàn huyện tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau như: Qua các thông qua các phương tiện thông tin đại chúng ở các xã, thị trấn 1.750 lượt; họp dân 23 lần với 962 lượt người tham gia, ký Cam kết quản lý bảo vệ rừng với các hộ dân sống trong rừng và gần rừng được 1.168 bản, phát 3.100 tờ rơi về bảo vệ rừng.

Ngoài ra, UBND huyện đã ra Quyết định thành lập và bổ sung Đoàn kiểm tra thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng huyện tại Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 19/7/2021.

2.2. Về cập nhật diễn biến rừng:

Năm 2022 kết quả diện tích có rừng là: 18.886,69 ha (17.798,53ha rừng tự nhiên và 1.088,16ha rừng trồng), đất chưa có rừng là 12.591,31ha, rừng ngoài quy hoạch 03 loại rừng là: 5.409,12ha(8,78ha rừng tự nhiên và 5.400,34ha rừng trồng).

2.3. Về công tác quản lý bảo vệ, phát triển diện tích rừng:

Tổng diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng trong quy hoạch ba loại rừng số liệu cập nhật năm 2022 là: 18.886,69ha (gồm diện tích rừng tự nhiên là:

17.798,53ha, diện tích rừng trồng là: 1.088,16ha) diện tích có rừng phân bổ cho các đơn vị chủ rừng trên địa bàn huyện, trong đó UBND các xã đang quản lý là 2.190,22ha(rừng tự nhiên là: 2071,27ha; rừng trồng là: 118,95ha).

- Công tác giao rừng: Năm 2020 không thực hiện được, năm 2021 thực hiện giao rừng được: 94,71ha, năm 2022 thực hiện giao được: 531,6ha.

- Công tác phát triển rừng:

+ Năm 2020: Kế hoạch tỉnh giao là: 105,2ha, tổng diện tích thực hiện được: 383,2ha trong đó (Trồng rừng tập trung được 117,0ha, khoanh nuôi tái sinh được: 102,0ha, Nông lâm kết hợp: 164,2ha, trồng cây phân tán được: 1.659 cây);

+ Năm 2021: Kế hoạch tỉnh giao trồng rừng tập trung là: 1.050ha huyện thực hiện được: 1.058,15ha, trong đó (trồng tập trung được: 200,15ha, khoanh nuôi được: 602,0ha, nông lâm kết hợp được: 256,0ha);

+ Năm 2022: Kế hoạch tỉnh giao 1.015ha, chỉ tiêu huyện giao là: 900ha thực hiện được: 924,9ha trong đó (trồng tập trung được: 197,7ha, khoanh nuôi tái sinh được: 600,7ha, nông lâm kết hợp được: 126,5ha).

- Kết quả xử lý các hành vi vi phạm; giai đoạn 2020-2022 huyện đã xử lý 48 vụ vi phạm, trong đó, xử lý hành chính 44 vụ, xử lý hình sự 04 vụ.

- Độ che phủ rừng năm 2020 là: 28,68%, năm 2021 là: 29,14%, năm 2022 là: 29,87%.

(Gửi kèm các Phụ lục: Bảng thực hiện các chỉ tiêu Lâm nghiệp năm 2021, kế hoạch năm 2022; Bảng Kế hoạch phát triển rừng năm 2021; Bảng theo dõi các chỉ tiêu lâm nghiệp năm 2023; Bảng Kế hoạch phát triển rừng và trồng cây phân tán).

III. Đánh giá nhận xét chung

Qua giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện Đoàn giám sát nhận xét, đánh giá như sau:

1. Ưu điểm;

Giai đoạn năm 2020 - 2022, mặc dù trong thời điểm dịch bệnh Covid 19 bùng phát và nhiều diễn biến phức tạp nhưng các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đã có sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời đối với công tác bảo vệ, phát triển rừng: Cụ thể UBND huyện đã ban hành 151 văn bản triển khai kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác này.

Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị từ huyện đến các cơ sở cũng như các ngành chức năng có sự chuyển biến tích cực, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch 217/KH-UBND ngày 23/11/2021 để triển khai thực hiện Chương trình 08 - CTr/HU ngày 05/11/2021, từ đó công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong giai đoạn này đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Đây là thành quả của công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND và của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể các cấp trên địa bàn huyện.

Nhìn chung công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 đã được triển khai kịp thời, phù hợp, đúng quy định, đảm bảo, tương đối đồng bộ và ngày càng có hiệu quả, về cơ bản đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, góp

phần quan trọng trong việc thực hiện chính sách của đảng và nhà nước trong nhiệm vụ này.

Các dự án, chính sách đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được Đảng và nhà nước quan tâm nhất là giao rừng cho các nhóm hộ, các hộ và cộng đồng (ưu tiên cho cộng đồng có đồng bào dân tộc tại chỗ), đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện, tăng thêm thu nhập cho một số người dân, làm tiền đề cho sự phát triển trong giai đoạn 2020-2025 mà Nghị quyết của Đảng bộ huyện đã đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế

- UBND huyện đã ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo đối với các xã đủ điều kiện thành lập Ban Lâm nghiệp; một số Ban Lâm nghiệp cũng đã ban hành Quy chế hoạt động trong giai đoạn 2020 - 2022, nhưng việc phân công theo dõi địa bàn, duy trì sinh hoạt chưa đều và chưa thường xuyên bám sát địa bàn, có một số xã chưa kịp thời xây dựng Quy chế nên hiệu quả hoạt động đạt chưa cao.

- Công tác triển khai, tuyên truyền chưa thường xuyên và sâu rộng, việc xây dựng Quy ước quản lý bảo vệ rừng đối với các thôn, buôn, bon kết quả còn thấp.

- Chưa tổ chức sơ kết, tổng kết chuyên đề mà chỉ mới gắn với sơ kết, tổng kết hằng năm, công tác kiểm tra, giám sát có triển khai nhưng số lượng các cuộc kiểm tra, giám sát còn ít, việc triển khai Chương trình 08-CTr/HU của Huyện ủy và Kế hoạch 217/KH-UBND của UBND huyện đối với một số xã chưa được kịp thời.

- Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng và cháy rừng vẫn còn diễn biến phức tạp. Vai trò, trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền xã và chủ rừng trong công tác quản lý chưa cao, lực lượng quân chúng bảo vệ rừng tham gia còn hạn chế, các đơn vị chủ rừng, đặc biệt là người đứng đầu đơn vị còn thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ, nhiều vụ phá rừng không xác định được đối tượng để xử lý, một số vụ án xử lý hình sự trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ đã, đang điều tra nhưng chưa đến kết quả cuối cùng nên tính răn đe chưa cao, việc khắc phục hậu quả về rừng còn thấp.

- Công tác phối hợp liên ngành, phối hợp giữa ngành với cơ sở có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiện nay trên địa bàn có các Công ty, khu bảo tồn, các doanh nghiệp được UBND tỉnh giao, cho thuê rừng, đất lâm nghiệp chưa thực hiện việc xác định ranh giới theo quy định.

- Một số tổ chức cá nhân trực tiếp được nhà nước giao rừng, đất lâm nghiệp để sản xuất kinh doanh nhưng chưa có phương án sản xuất dẫn đến dễ mất rừng, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trái phép.

- Một số chủ rừng (Công ty TNHH Bảo Lâm, Phú Gia Phát, TNHH Nông nghiệp MJ Việt Nam, Quốc Việt) được giao đất, giao rừng nhưng công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng chưa hiệu quả, sự phối hợp với các xã có diện tích rừng và các công ty được giao chưa tốt dẫn đến trong công tác quản lý nhà nước về rừng, đất rừng trong giai đoạn này còn nhiều bất cập và chưa chặt chẽ.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Với các nội dung ưu điểm, tồn tại như trên, Đoàn giám sát số 19 kiến nghị UBND huyện phát huy các ưu điểm, chỉ đạo kịp thời khắc phục các tồn tại đã nêu, đồng thời, Đoàn đề nghị UBND huyện thực hiện các nội dung như sau:

- Chỉ đạo kịp thời các xã, thị trấn và một số ngành liên quan tăng cường công tác phổ biến tuyên truyền công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng đến với người dân sâu rộng hơn, công tác triển khai Nghị quyết, Kế hoạch, Chương trình công tác tổ chức thực hiện, thanh tra, giám sát tổ chức phối hợp của cấp ủy, chính quyền và các ngành chức năng cần kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn kịp thời xây dựng, bổ sung quy chế hoạt động và duy trì sinh hoạt đối với các Ban lâm nghiệp và hướng dẫn thôn, buôn, bon đưa nội dung quản lý, bảo vệ, phát triển rừng vào Hương ước, Quy ước để nâng cao trách nhiệm của người dân.

- Hiện nay có một số Công ty (chủ rừng), được giao, được thuê đất rừng, đất lâm nghiệp chưa phối hợp tốt với một số xã mà Công ty đứng chân. **Do đó, đề nghị UBND huyện tham mưu tỉnh, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các xã và các chủ rừng có giải pháp để chấn chỉnh kịp thời, đưa công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng có hiệu quả hơn.**

- Qua giám sát cho thấy hiện nay người dân sống trên đất rừng, gần rừng và đặc biệt là các vị trí rừng Cộng đồng quản lý (tại thôn Phú Lợi, xã Quảng Phú và Buôn Chohi, xã Đức Xuyên) người dân đang sản xuất và có dựng nhà để sinh hoạt về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến nhiệm vụ quản lý khi được giao cho cộng đồng đề nghị ủy ban huyện có phương án từng bước đưa họ ra khỏi vùng đất rừng và rừng mà cộng đồng đang quản lý.

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan, các xã, thị trấn thống kê, tổng hợp các điểm mọc, chế biến gỗ... nhằm đảm bảo công tác quy hoạch cũng như môi trường được tốt hơn.

- Chỉ đạo triển khai kịp thời Chương trình 08/CTr-HU của Huyện ủy và Kế hoạch triển khai số 217/KH-UBND của UBND huyện đã ban hành trong năm 2021.

Trên đây là báo cáo của Đoàn giám sát số 19 của Ban Kinh tế - Xã hội về kết quả giám sát công tác triển khai, thực hiện quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 trên địa bàn huyện Krông Nô. Kính trình Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp thứ 6 xem xét./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các thành viên Đoàn giám sát;
- UBND 12 xã, thị trấn.
- Lưu VT, Ban KT-XH.

TM. BAN KINH TẾ - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN

Hồ Giang Nam

TT	Đơn vị	ĐVT	Tổng	TR tập trung	Khoanh nuôi, tái sinh	Nông lâm kết hợp	CT 01 tỷ cây xanh (cây)	Tổng	TR tập trung	Khoanh nuôi, tái sinh	Nông lâm kết hợp	CT 01 tỷ cây xanh (cây)
	Tổng	Hà	1.058,2	200,15	602,0	256,0	34.550	900,0	165,0	600,0	135,0	76.525
I	Công ty, đơn vị	Hà	252,0	-	252,0	-	1.050	390,0	120,0	250,0	20,0	-
1	Huyện đội	Hà	-			-	1.000	-			-	
2	Công an huyện	Hà	-			-	50	-			-	
3	Công ty TNHH Bảo lâm	Hà	-			-		10,0	10,0		-	
4	Khu BTNN Nam Nung	Hà	40,0		40,0	-		-	-		-	
5	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Hà	84,0		84,0	-		-	-		-	
6	Công đồng thôn Phú Lợi	Hà	12,0		12,0	-		10,0	-		10,0	
7	Công đồng Bon Choih	Hà	24,0		24,0	-		10,0	-		10,0	
8	Công ty TNHH MTV Nam Nung	Hà	35,0		35,0	-		-	-		-	
9	Công ty Quốc Việt	Hà	-					10,0	10,0			
10	Công ty MJ Việt Nam	Hà	-			-		100,0	100,0		-	
11	Công ty Phú Gia Phát	Hà	57,0		57,0	-		250,0		250,0		
II	Trồng rừng trong nhân dân	Hà	806,2	200,15	350,0	256,0	33.500	510,0	45,0	350,0	115,0	76.525
1	-TT Đăk Mâm	Hà	14,0		-	14,0	2.910	-		-	-	800
2	-Đăk Sôt	Hà	-		-	-	100	-		-	-	3.308
3	-Đăk Drô	Hà	25,8	5,2	10,0	10,6	100	15,0		10,0	5,0	9.860
4	-Năm Nung	Hà	15,0	5,0	-	10,0	8.860	5,0		-	5,0	5.285
5	-Năm N'Dir	Hà	54,9	48,2	-	5,7	20	5,0		-	5,0	5.822
6	-Đăk Nang	Hà	82,0	30,0	50,0	2,0	90	90,0	15,0	50,0	25,0	1.870
7	-Tân Thành	Hà	62,5	6,5	10,0	45,0	8.620	10,0		10,0	-	24.964
8	-Năm Xuân	Hà	55,0		-	55,0	10.090	-		-	-	10.175
9	-Buôn Chơăh	Hà	126,7		110,0	16,7	390	140,0		110,0	30,0	1.510
10	-Đức Xuyên	Hà	51,0	11,0	10,0	30,0	2.100	45,0		10,0	35,0	1.617
11	-Quảng Phú	Hà	244,3	94,3	130,0	20,0	120	160,0	30,0	130,0	-	5.443
12	-Năm Đă	Hà	40,0		30,0	10,0	100	40,0		30,0	10,0	5.871
13	-Các hộ dân xóm canh TK 1248, 1260 (B.Chơah)	Hà	35,0			35,0		-			-	
III	Độ che phủ rừng (kể cả diện tích cao su và điều ngoài QH 3 loại rừng)	%	Ước đạt 35,1					35,8				
IV	Chỉ tiêu bảo vệ rừng											
1	Số vụ phá rừng	Vụ	6					Giảm 50% số vụ phá rừng so với năm 2021				

TT	Đơn vị	ĐVT	1. HUYỆN MÃI MÃI 2020				2. HUYỆN MÃI MÃI 2021			
			Tổng	TR tập trung	Khoanh nuôi, tái sinh	Nông lâm kết hợp	Tổng	TR tập trung	Khoanh nuôi, tái sinh	Nông lâm kết hợp
	Tổng	Hà	383,2	117,0	102,0	164,2	1.050,0	200,0	700,0	150,0
I	Công ty, đơn vị	Hà	-	-	-	-	500,0	-	500,0	-
1	Công ty Phú Gia Plát	Hà	-	-	-	-	500,0	-	500,0	-
II	Trồng rừng trong nhân dân	Hà	383,2	117,0	102,0	164,2	550,0	200,0	200,0	150,0
1	-TT.Đắk Mâm	Hà	3,0	-	-	3,0	-	-	-	-
2	-Đắk Sôr	Hà	2,0	-	-	2,0	-	-	-	-
3	-Đắk Drô	Hà	12,2	-	7,0	5,2	50,0	10,0	30,0	10,0
4	-Năm Nung	Hà	30,0	22,0	-	8,0	30,0	20,0	-	10,0
5	-Năm N'Dir	Hà	20,0	-	-	20,0	10,0	10,0	-	-
6	-Đắk Nang	Hà	30,0	19,0	5,0	6,0	80,0	30,0	20,0	30,0
7	-Tân Thành	Hà	25,0	5,0	-	20,0	15,0	10,0	-	5,0
8	-Nam Xuân	Hà	5,0	-	-	5,0	5,0	-	-	5,0
9	-Buôn Choăh	Hà	50,0	-	50,0	-	90,0	-	70,0	20,0
10	-Đức Xuyên	Hà	10,0	-	-	10,0	60,0	20,0	20,0	20,0
11	-Quảng Phú	Hà	151,0	71,0	40,0	40,0	140,0	100,0	20,0	20,0
12	-Nam Đà	Hà	20,0			20,0	50,0	-	40,0	10,0
13	-Các hộ dân xen canh TK 1248, 1260 (B.Choah)	Hà	25,0	-	-	25,0	20,0	-	-	20,0
III	Độ che phủ rừng (kể cả diện tích cao su và điều ngoài QH 3 loại rừng)	%		35,1			35,3			
IV	Chỉ tiêu bảo vệ rừng			Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ giảm	Giảm 50% số vụ phá rừng và diện tích rừng bị phá			
1	Số vụ phá rừng	Vụ	Vụ	6	5	16,7				
2	Diện tích rừng bị phá	Hà	Hà	3,158	2,251	28,7				
	Đạt, không đạt theo NQ 11					Không				

TT	Đơn vị	Tổng	TR tập trung	Khoanh nuôi, tái sinh tự nhiên	Nông lâm kết hợp	Trồng cây phân tán (cây)	Ghi chú
I	Công ty, đơn vị	516,0	125,0	296,0	95,0	-	-
I	Huyện đội	-	-	-	-	-	-
2	Công an huyện	-	-	-	-	-	-
3	Công ty TNHH Bảo lâm	-	-	-	-	-	-
	Xã Tân Thành (TK 1275)	-	-	-	-	-	-
	Xã Quảng Phú	-	-	-	-	-	-
	Xã Đức Xuyên	-	-	-	-	-	-
4	Khu BTNN Nam Nung	101,0	76,0	25,0	76,0	76,0	NLKH theo QĐ 2250/QĐ-UBND
5	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	80,0	80,0	-	80,0	80,0	NLKH theo QĐ 2250/QĐ-UBND
6	Công đồng thôn Phú Lợi	52,0	12,0	40,0	12,0	12,0	NLKH theo QĐ 2250/QĐ-UBND
7	Công đồng Bon Choih	54,0	24,0	30,0	24,0	24,0	NLKH theo QĐ 2250/QĐ-UBND
8	Công ty TNHH MTV Nam Nung	52,0	5,00	47,0	-	47,0	-
9	Công ty Quốc Việt	-	-	-	-	-	-
10	Công ty MJ Việt Nam	120,0	120,0	-	-	-	-
11	Công ty Phú Gia Phát	57,0	57,0	-	57,0	57,0	-
II	Trồng rừng trong nhân dân	454,0	25,0	394,0	35,0	94,495	394,0
1	IT, Đak Mâm	-	-	-	-	-	-
2	Đak Sôr	-	-	-	-	-	-
3	Đak Dô	10,0	10,0	-	12,275	10,0	10,0
4	Nam Nung	5,0	-	5,0	-	-	-
5	Nam N'Dit	-	-	-	7,113	-	-
6	Đak Nang	60,0	50,0	10,0	2,268	50,0	50,0
7	Tân Thành	-	-	-	27,408	-	-
8	Nam Xuân	-	-	-	8,513	-	-
9	Buôn Chơah	179,0	5,0	164,0	10,0	1,838	164,0
10	Đức Xuyên	20,0	-	10,0	10,0	2,000	10,0
11	Quảng Phú	150,0	20,0	130,0	-	6,776	130,0
12	Nam Đà	30,0	30,0	-	7,226	30,0	30,0
III	Đồ chơ phú rừng (kể cả diện tích cao su và diện ngoài QH 3 loại rừng)	36,5	-	-	-	36,5	-
IV	Chỉ tiêu bảo vệ rừng	-	-	-	-	-	-

TT	Đơn vị	ĐVT	Tổng	TR tập trung	Khoanh nuôi, tái sinh	Nông lâm kết hợp	Trồng cây phân tán (cây)	Tổng	TR tập trung	Khoanh nuôi, tái sinh tự nhiên	Nông lâm kết hợp	Trồng cây phân tán (cây)	Ghi chú
	Tổng	Hà	924,9	197,7	600,7	126,5	76,655	970,0	150,0	690,0	130,0	94,495	
I	Công ty, đơn vị	Hà	333,7	83,0	250,7	-	827	516,0	125,0	296,0	95,0	-	
1	Huyện đội	Hà	-				750	-					
2	Công an huyện	Hà	-				77	-					
	Công ty TNHH Bảo lâm	Hà	75,0	75,0	-	-		-					
3	Xã Quảng Phú		70,0	70,0				-					
	Xã Đức Xuyên		5,0	5,0				-					NLKH theo QĐ 2250/QĐ-UBND
4	Khu BTTN Nam Nung	Hà	40,7		40,7			101,0		76,0	25,0		NLKH theo QĐ 2250/QĐ-UBND
5	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Hà	84,0		84,0			80,0		80,0			NLKH theo QĐ 2250/QĐ-UBND
6	Cộng đồng thôn Phú Lợi	Hà	12,0		12,0			52,0		12,0	40,0		
7	Cộng đồng Bon Choih	Hà	24,0		24,0			54,0		24,0	30,0		
8	Công ty TNHH MTV Nam Nung	Hà	43,0	8,00	35,0			52,0	5,00	47,0			
9	Công ty Quốc Việt	Hà	-					-					
10	Công ty MJ Việt Nam	Hà	-					120,0	120,0				
11	Công ty Phú Gia Phát	Hà	55,0		55,0			57,0		57,0			
II	Trồng rừng trong nhân dân	Hà	591,2	114,7	350,0	126,5	75,828	454,0	25,0	394,0	35,0	94,495	
1	-TT-Đak Mâm	Hà	1,5			1,5	835	-				8,375	
2	-Đak Sôr	Hà	-				4,011	-				4,120	
3	-Đak Dơ	Hà	25,0	10,0	10,0	5,0	9,950	10,0		10,0		12,275	
4	-Năm Nung	Hà	5,0			5,0	5,450	5,0			5,0	6,583	
5	-Năm N'Dir	Hà	-				6,020	-				7,113	
6	-Đak Nang	Hà	110,8	30,8	50,0	30,0	1,870	60,0		50,0	10,0	2,268	
7	-Tân Thành	Hà	10,0		10,0		25,000	-				27,408	
8	-Nam Xuân	Hà	5,5	0,5		5,0	6,449	-				8,513	
9	-Buôn Chơah	Hà	145,0		110,0	35,0	1,700	174,0		164,0	10,0	1,838	
10	-Đức Xuyên	Hà	45,0	-	10,0	35,0	3,000	20,0	-	10,0	10,0	2,000	
11	-Quảng Phú	Hà	203,4	73,4	130,0		5,443	155,0	25,0	130,0	-	6,776	
12	-Nam Đà	Hà	40,0		30,0	10,0	6,100	30,0		30,0		7,226	
III	Độ che phủ rừng (kể cả diện tích cao su và điều ngoài QH 3 loài rừng)	%	35,1					36,5					
IV	Chỉ tiêu bảo vệ rừng												
I	Số vụ phá rừng	Vụ	Giảm 50% số vụ phá rừng so với năm 2021				Giảm 50% số vụ phá rừng so với năm 2022						
	Triển tích rừng bị phá	Ta	Triển 50% diện tích rừng bị phá so với năm 2021				Triển 50% diện tích rừng bị phá so với năm 2022						